

Ngày soạn: 30/8 /2024	Dạy	Ngày	25/9/2024
		Tiết	5
		Lớp	9D

TUẦN 3-TIẾT 10: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
MỘT SỐ HIỂU BIẾT VỀ CHỮ NÔM VÀ CHỮ QUỐC NGŨ
(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.
- Xác định và phân tích được giá trị của chữ Nôm và chữ Quốc ngữ trong văn học và trong giao tiếp.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ, có ý thức tự học và hoàn thành bài tập đầy đủ, vận dụng kiến thức tạo lập văn bản.
- Yêu quý tiếng Việt, có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập đã tìm hiểu ở nhà trong phần kiến thức ngữ văn; kết nối với phần tiếp theo của bài học.

b. Nội dung: GV sử dụng PP và kỹ thuật “Trình bày 30 giây”, đặt câu hỏi để bước đầu định hướng vào nội dung kiến thức tiếng Việt.

c. Sản phẩm: Kết quả chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS chia sẻ hiểu biết của mình về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ trong vòng 30 giây.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS dựa vào phần kiến thức Ngữ văn và phần chuẩn bị của cá nhân trình bày; HS khác lắng nghe, phản biện, bổ sung (nếu có).
- GV quan sát và xử lý tình huống.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, chiếu cho HS xem video để khắc sâu kiến thức và kết nối vào bài học (đường link: https://www.youtube.com/watch?v=Tv5Rz_WIJxE cắt đến 3:04).
(Ví dụ: Các em vừa được nghe chia sẻ hiểu biết của các bạn về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ, đồng thời cũng được xem video ngắn về quá trình hình thành và phát triển của hai loại chữ này. Để vận dụng những kiến thức này, chúng ta cùng nhau thực hành qua những bài tập cụ thể của tiết học ngày hôm nay).

2. Hoạt động 2: Thực hành

a. Mục tiêu:

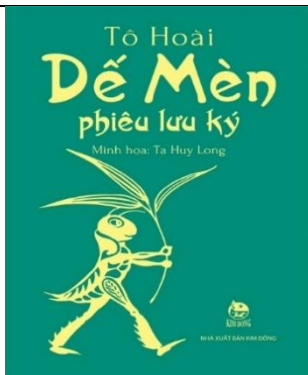
- Xác định tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, chữ Hán.
- Hiểu được tác phẩm viết bằng chữ Hán là sáng tác bằng ngoại ngữ, được dịch sang tiếng Việt; tác phẩm viết bằng chữ Nôm là sáng tác bằng tiếng Việt, được phiên âm ra chữ Quốc ngữ.
- Tìm thêm được một số ví dụ về hạn chế của chữ Quốc ngữ để lưu ý viết đúng chính tả.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH dạy học đàm thoại gợi mở, hợp tác, kỹ thuật dạy học chia nhóm, khăn trải bàn, động não hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và Học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>HĐ1: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 1 Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 1. Sau đó lần lượt chiếu hình ảnh minh họa các tác phẩm văn học, HS sẽ dùng thẻ chọn tác phẩm viết bằng chữ Hán, chữ Nôm và tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ (dùng thẻ màu đỏ là tác phẩm viết bằng chữ Hán; thẻ màu xanh là tác phẩm viết bằng chữ Nôm; thẻ màu vàng là tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ).</p>	<p>1. Bài tập 1 - Tác phẩm viết bằng chữ Hán: <i>Sông núi nước Nam</i> (khuyết danh), <i>Hịch tướng sĩ</i> (Trần Quốc Tuấn), <i>Nhật kí trong tù</i> (Hồ Chí Minh). - Tác phẩm viết bằng chữ Nôm: <i>Quốc âm thi tập</i> (Nguyễn Trãi), <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du), <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> (Nguyễn Đình Chiểu).</p>



Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS chuẩn bị thẻ (đỏ, xanh, vàng) để tham gia hoạt động học tập.
- GV lần lượt chiếu hình ảnh minh họa các tác phẩm văn học lên màn hình; Sau 5 giây HS chọn và giơ thẻ màu theo hiệu lệnh của GV.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.
- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV đưa ra đáp án, nhận xét về tinh thần học tập khắc sâu kĩ năng nhận biết các tác phẩm theo loại chữ viết được sử dụng.

*** HĐ2: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 2**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 2; phát PHT số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành các yêu cầu trên PHT.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Ghép tác phẩm cột A với nội dung phù hợp cột B

A. Tác phẩm

B. Được dịch hay phiên âm

2. Bài tập 2

- Ghép đôi: **a - 2; b - 1.**
- Chỉ ra sự phù hợp của cách diễn đạt đó đối với mỗi loại tác phẩm:
- + Đối với tác phẩm viết bằng chữ Hán: Ngôn ngữ là tiếng Hán, tức là một ngoại ngữ. Để người Việt đọc được, hiểu được, cần dịch tác phẩm sang tiếng Việt.

<p>a) Tác phẩm viết bằng chữ Hán</p>		<p>1) được phiên âm ra chữ Quốc ngữ</p>	<p>+ Đối với tác phẩm viết bằng chữ Nôm: Ngôn ngữ được sử dụng là tiếng Việt. Tuy nhiên, là loại chữ cổ, hầu hết người Việt Nam hiện nay không đọc được, cho nên tác phẩm viết bằng chữ Nôm cần được phiên âm ra chữ Quốc ngữ để mọi người đều đọc được, hiểu được.</p>
		<p>2) được dịch sang tiếng Việt</p>	
<p>b) Tác phẩm viết bằng chữ Nôm</p>		<p>3) được dịch ra chữ Quốc ngữ</p>	
<p>2. Chỉ ra sự phù hợp của cách diễn đạt đó đối với mỗi loại tác phẩm:</p> <p>.....</p> <p>.....</p>			
<p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ</p>			
<p>- HS làm việc nhóm, hoàn thiện PHT theo yêu cầu của GV. - GV chiếu PHT, gọi đại diện một nhóm HS trình bày kết quả; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.</p>			
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p>			
<p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p>			
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>			
<p>- GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kỹ năng củng cố hiểu biết về chữ viết (chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ), phân biệt loại tác phẩm viết bằng chữ Hán (tức là bằng một ngoại ngữ) với loại tác phẩm viết bằng chữ Nôm (tức là bằng tiếng Việt). Đối với tác phẩm viết bằng chữ Hán, chúng ta nên sử dụng bản phiên âm và bản dịch nghĩa để đối chiếu, tìm hiểu những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm.</p>			

<p>* HĐ3: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 3</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập 3; hoàn thành nhiệm vụ theo kỹ thuật khăn trải bàn.</p>		<p>3. Bài tập 3</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Trường hợp</th> <th>Ví dụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi một âm</td> <td>- ghi âm /k/ bằng các chữ cái c, k, q; - ghi âm /z/ bằng các chữ d (dôi dào), gi (gia đình); - ghi âm /i/ bằng các chữ i (đi, im), y (tùy ý).</td> </tr> <tr> <td>b) Trường hợp dùng một chữ cái khác nhau để ghi nhiều âm</td> <td>- dùng chữ a vừa để ghi âm /a/, vừa để ghi âm /ã/; - dùng chữ u vừa để ghi âm đệm /-w-/ (qua, quẽ), vừa để ghi âm chính /u/ (lu bù); - dùng chữ o vừa để ghi âm chính /o/ (con bò), vừa để ghi âm đệm /-w-/ (hoa hòe); - dùng chữ i vừa để ghi âm chính /i/ (li bì), vừa để ghi âm cuối /j/ (núi); - dùng chữ y vừa để ghi âm chính /i/ (quý), vừa để ghi âm cuối /j/ (tay).</td> </tr> <tr> <td>c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm</td> <td>ch, gh, kh, ng, ngh, nh, ph, th, tr.</td> </tr> </tbody> </table>		Trường hợp	Ví dụ	a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi một âm	- ghi âm /k/ bằng các chữ cái c, k, q; - ghi âm /z/ bằng các chữ d (dôi dào), gi (gia đình); - ghi âm /i/ bằng các chữ i (đi, im), y (tùy ý).	b) Trường hợp dùng một chữ cái khác nhau để ghi nhiều âm	- dùng chữ a vừa để ghi âm /a/, vừa để ghi âm /ã/; - dùng chữ u vừa để ghi âm đệm /-w-/ (qua, quẽ), vừa để ghi âm chính /u/ (lu bù); - dùng chữ o vừa để ghi âm chính /o/ (con bò), vừa để ghi âm đệm /-w-/ (hoa hòe); - dùng chữ i vừa để ghi âm chính /i/ (li bì), vừa để ghi âm cuối /j/ (núi); - dùng chữ y vừa để ghi âm chính /i/ (quý), vừa để ghi âm cuối /j/ (tay).	c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm	ch, gh, kh, ng, ngh, nh, ph, th, tr.
Trường hợp	Ví dụ										
a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi một âm	- ghi âm /k/ bằng các chữ cái c, k, q; - ghi âm /z/ bằng các chữ d (dôi dào), gi (gia đình); - ghi âm /i/ bằng các chữ i (đi, im), y (tùy ý).										
b) Trường hợp dùng một chữ cái khác nhau để ghi nhiều âm	- dùng chữ a vừa để ghi âm /a/, vừa để ghi âm /ã/; - dùng chữ u vừa để ghi âm đệm /-w-/ (qua, quẽ), vừa để ghi âm chính /u/ (lu bù); - dùng chữ o vừa để ghi âm chính /o/ (con bò), vừa để ghi âm đệm /-w-/ (hoa hòe); - dùng chữ i vừa để ghi âm chính /i/ (li bì), vừa để ghi âm cuối /j/ (núi); - dùng chữ y vừa để ghi âm chính /i/ (quý), vừa để ghi âm cuối /j/ (tay).										
c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm	ch, gh, kh, ng, ngh, nh, ph, th, tr.										
<p>Người số 1</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>	<p>Tổng hợp</p> <p>a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi một âm:.....</p> <p>.....</p> <p>..</p> <p>b) Trường hợp dùng một chữ cái khác nhau để ghi nhiều âm:.....</p> <p>.....</p> <p>..</p> <p>c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm:.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>	<p>Người số 2</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>Người số 4</p> <p>.....</p> <p>.....</p>								
<p>Người số 3</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p> <p>.....</p> <p>.</p>											

<p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS chia nhóm 4, mỗi cá nhân ghi câu trả lời vào ô của mình; sau đó thảo luận, thống nhất vào ô trung tâm. - GV yêu cầu các nhóm trao đổi và chấm chéo sản phẩm; gọi một nhóm trình bày trước lớp; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kỹ năng nhận biết một số trường hợp cần chú ý để viết đúng chính tả. (các trường hợp thể hiện hạn chế của chữ Quốc ngữ) 	
--	--

3. Hoạt động 3: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về chữ Quốc ngữ để kết nối với hoạt động viết đoạn văn.

b. Nội dung: GV sử dụng PP nêu vấn đề yêu cầu HS thực hành viết **đoạn văn ngắn (khoảng 6 đến 8 dòng)** trình bày suy nghĩ về những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và Học sinh	Dự kiến sản phẩm			
<p>* GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 4</p> <p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài tập theo bảng tiêu chí sau: <table border="1" style="width: 100%; margin-top: 5px;"> <tr> <th style="text-align: center;">Yêu cầu</th> </tr> <tr> <td>1. Đảm bảo hình thức đoạn văn, có dung lượng từ 6 đến 8 dòng.</td> </tr> <tr> <td>2. Nội dung: trình bày suy nghĩ về những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài,</td> </tr> </table>	Yêu cầu	1. Đảm bảo hình thức đoạn văn, có dung lượng từ 6 đến 8 dòng.	2. Nội dung: trình bày suy nghĩ về những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài,	<p><i>Ví dụ minh họa:</i></p> <p>“Chữ Quốc ngữ mặc dù còn một số hạn chế nhưng về cơ bản, là một loại chữ có nhiều ưu điểm mà ưu điểm nổi bật là đơn giản, dễ học. Nhờ đơn giản, dễ học mà chỉ sau không đầy một năm học theo chương trình lớp 1,</p>
Yêu cầu				
1. Đảm bảo hình thức đoạn văn, có dung lượng từ 6 đến 8 dòng.				
2. Nội dung: trình bày suy nghĩ về những thuận lợi trong việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài,				

<p>các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài</p> <p>3. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt.</p> <p>Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân, tạo lập đoạn văn đảm bảo các tiêu chí trên. - GV gọi 2 – 3 HS trình bày; HS khác lắng nghe, nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí. - GV nhận xét, nhấn mạnh cách viết đoạn văn: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định nội dung chính của đoạn: thuận lợi trong việc học và sử dụng chữ Quốc ngữ. + Phát triển đoạn bằng một số câu văn, có sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. + Đảm bảo không sai về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt trong sáng. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>trẻ em Việt Nam đều biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ theo hệ chữ Latinh nên rất thuận lợi trong việc sử dụng để viết các tên riêng nước ngoài (ví dụ: Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Ru-ma-ni, Xri Lan-ca,...), các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài (ví dụ: acid, hydro, oxy,...). Đó là một thuận lợi rất lớn trong thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.”</p> <p style="text-align: center;"><i>(Sách giáo viên Cánh Diều)</i></p>
--	--

*** GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài sau:**

Phân Viết “Bài văn phân tích một tác phẩm thơ

- Xem lại khái niệm, yêu cầu của kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ đã học ở bài 7, lớp 8.

- Hoàn thành cột (2) trên PHT số 1 để chuẩn bị cho phần viết Phân tích một tác phẩm thơ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1		
Chuẩn bị cho bài viết phân tích tác phẩm “Khóc Dương Khuê”		
Yêu cầu	Phần chuẩn bị của cá nhân	Phần bổ sung sau trao đổi nhóm
(1)	(2)	(3)

1. Tìm hiểu thông tin về tác giả Nguyễn Khuyến, về tình bạn của ông với Dương Khuê và hoàn cảnh ra đời bài thơ.		
2. Xem lại phần đọc hiểu, ghi chú chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức và nội dung của bài thơ.		
3. Ghi lại những đánh giá, cảm nhận của bản thân về bài thơ và tác giả.		
4. Đọc một số bài nghiên cứu, phân tích tác phẩm, ghi chép những phát hiện độc đáo, thú vị, những lời bình hay về bài thơ và tác giả.		
5. Tìm đọc những tác phẩm viết về tình bạn khác hoặc những câu chuyện về tình bạn đẹp trong lịch sử.		

Ngày soạn: 30/8/2024	Dạy	Ngày	26/9/2024	02/10/2024
		Tiết	4,5	4
		Lớp	9D	9D

**TUẦN 3,4-Tiết 11,12,13: VIẾT
PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM THƠ
(Thời gian thực hiện: 3 tiết)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.
- HS xác định được bài văn phân tích một tác phẩm thơ đảm bảo các bước: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm;

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc sắc một tác phẩm thơ về nội dung, nghệ thuật, chủ đề....

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.
- Cảm nhận được cái đặc sắc nghệ thuật, nội dung, chủ đề...yêu cái đẹp...qua tác phẩm thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- KHBH; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, khơi gợi cảm xúc, định hướng kĩ năng ban đầu về cách thức phân tích thơ từ đặc điểm hình thức đến nội dung.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH, kĩ thuật trực quan, nêu và giải quyết vấn đề để HS tiếp cận với một kĩ năng viết bài văn phân tích tác phẩm thơ.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nêu yêu cầu: Đọc những câu thơ sau, lựa chọn một từ ngữ hoặc một hình ảnh, một biện pháp tu từ em thích nhất và lí giải vì sao em thích?

(1) *Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,*

Nhữ đăng hành khan thủ bại hư.

(2) Bác Dương thôi đã thôi rồi

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.

(3) Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,

Tuyết đường cưa, xẻ héo cành ngô.

Giọt sương phủ, bụi chim gù,

Sân tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

- HS đọc các câu thơ được chiếu trên màn hình và thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

- GV gọi 3 - 4 HS chia sẻ câu trả lời của mình.

- GV nhận xét, tổng hợp, khen ngợi những chia sẻ của HS, đồng thời kết nối vào bài học.

(VD: Mỗi dòng thơ, mỗi câu thơ trong những bài thơ mà chúng ta được học, được đọc đều để lại trong các em những ấn tượng đặc biệt qua những dấu hiệu nghệ thuật như: từ ngữ, hình ảnh, chi tiết hay có khi là các biện pháp tu từ để từ đó chúng ta cảm nhận được nội dung chủ đề, giá trị tư tưởng của bài thơ. Việc trình bày lại những ấn tượng, suy nghĩ, đánh giá, nhận xét của mình về vẻ đẹp nội dung và hình thức bài thơ ấy cần đạt được những yêu cầu gì và thực hiện theo quy trình như thế nào, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu và thực hành trong bài học hôm nay.)

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu:

- Củng cố lại yêu cầu, quy trình viết bài văn nghị luận về một tác phẩm thơ đã học ở lớp 8: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ;

- Hoàn thiện kĩ năng phân tích bài thơ đáp ứng yêu cầu của chương trình ở lớp 9: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mĩ của nó;

- Hình thành kĩ năng thực hành theo quy trình 4 bước khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ;

b. Nội dung: GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi và think – paire – share hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>I. Định hướng</p> <p><i>*HD 1. Tìm hiểu khái niệm và lưu ý về kiểu bài phân tích tác phẩm thơ</i></p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p>	<p>1. Khái niệm kiểu bài:</p> <p>- Phân tích tác phẩm thơ là chỉ ra và làm rõ những điểm nổi bật (thành công, có thể hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.</p>

<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm cặp theo kỹ thuật think – paire - share trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>+ <i>Thế nào là bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ?</i></p> <p>+ <i>Để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ, chúng ta cần chú ý điều gì? Vì sao chúng ta phải thực hiện những yêu cầu đó?</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.</p> <p>- GV gọi 1 HS trả lời câu hỏi 1 và 4 HS chia sẻ từng yêu cầu và lí giải vì sao cần thực hiện những yêu cầu đó ở câu hỏi 2; HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV lắng nghe, tổng hợp và đưa ra định hướng cụ thể; đồng thời khắc sâu tầm quan trọng của những yêu cầu khi viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ.</p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>+ Đối với một số tác phẩm văn học, để hiểu đúng giá trị tư tưởng, thẩm mỹ cần tìm hiểu</p>	<p>- Có thể đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, nêu những nhận xét, khám phá riêng của bản thân về tác phẩm.</p> <p>2. Yêu cầu:</p> <p>- Đọc kĩ bài thơ, chú ý các đặc điểm của thể loại, tác giả, hoàn cảnh sáng tác (nếu giúp ích cho việc đọc hiểu bài thơ).</p> <p>- Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của bài thơ, chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung chủ đề của tác phẩm.</p> <p>- Thực hiện các bước viết bài nghị luận theo quy trình 4 bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa.</p> <p>- Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của bài thơ đối với người đọc cũng như cá nhân học sinh.</p>
--	--

<p>các thông tin về con người tác giả và bối cảnh ra đời của nó.</p> <p>+ Trong phân tích thơ, cần phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề, tư tưởng của văn bản; không nhất thiết phải phân tích tất cả các tín hiệu nghệ thuật trong bài thơ.</p> <p>+ Quá trình tiếp nhận của người đọc với tác phẩm thơ là khác nhau, mỗi người có một khuynh hướng tính cách, quan điểm, tư tưởng và vốn sống, trải nghiệm khác nhau nên cách hiểu và cảm nhận, đánh giá về tác phẩm cũng khác nhau → việc phân tích một tác phẩm thơ của mỗi cá nhân cũng khác nhau.</p>	
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- Thực hành viết bài văn nghị luận phân tích một bài thơ đảm bảo quy trình (4 bước) và các yêu cầu về hình thức, nội dung.
- Rèn luyện kỹ năng so sánh trong phân tích thơ.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, dạy học theo nhóm để hướng dẫn HS thực hành viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>II. Thực hành</p> <p>* HD1: Chuẩn bị</p> <p>Bước1: Chuyển giao NV</p> <p>- GV kiểm tra việc chuẩn bị bài ở nhà của HS, yêu cầu HS trao đổi theo nhóm bàn, chia sẻ nội dung chuẩn bị của mình; ghi chép, bổ sung những thông tin, nội dung tốt của bạn vào cột (3).</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px; width: fit-content;"> <p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> </div>	<p>1. Bài tập: Phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” của Nguyễn Khuyến.</p> <p>a. Bước 1: Chuẩn bị (HS thực hiện ở nhà)</p> <p><i>Vi dụ:</i></p> <p>- Thông tin về tác giả, tình bạn với Dương Khuê và hoàn cảnh ra đời bài thơ:</p>

Chuẩn bị cho bài phân tích tác phẩm “Khóc Dương Khuê” – Nguyễn Khuyến		
Yêu cầu	Phần chuẩn bị của cá nhân	Phần bổ sung sau trao đổi nhóm
1. Tìm hiểu thông tin về tác giả Nguyễn Khuyến, về tình bạn của ông với Dương Khuê và hoàn cảnh ra đời bài thơ.		<p>+ Tác giả Nguyễn Khuyến xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo, ông đỗ đầu 3 kì thi Hương, thi Hội, thi Đình nên được gọi là “Tam Nguyên Yên Đổ”. Ông làm quan dưới thời nhà Nguyễn, là người tài năng, có tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc nhưng do bất mãn với triều chính nhiều nhượng đương thời nên đã cáo quan về quê ở ẩn và dạy học.</p> <p>+ Tình bạn của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê gặp nhau trong khoa thi Hương, cùng thi đỗ và trở thành bạn bè gắn bó với nhau từ đây. Họ cùng nhau học hành, rồi cùng đỗ tiến sĩ, cùng làm quan cho triều đình nhà Nguyễn.</p> <p>+ Hoàn cảnh ra đời bài thơ: Nguyễn Khuyến cáo quan lui về quê ở ẩn, còn Dương Khuê tiếp tục ở lại làm quan. Nỗi đau của sự chia li chưa kịp thấu hết thì Nguyễn Khuyến nhận được tin dữ, Dương Khuê qua đời. Ông đã viết bài thơ “Khóc Dương Khuê” để giải bày sự mong nhớ những tháng ngày cũ và tình cảm với người bạn tri kỉ của mình.</p>
2. Xem lại phần đọc hiểu, ghi chú chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức và nội dung của bài thơ.		<p>- Chủ đề: Tình cảm sâu nặng, chân thành của nhà thơ Nguyễn Khuyến với người bạn tri kỉ của mình.</p> <p>- Những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ:</p>
3. Ghi lại những đánh giá, cảm nhận của bản thân về bài		

<p>thơ và tác giả.</p>			<p>+ Thể thơ thất ngôn bát cú với âm hưởng buồn bã, da diết, nhớ thương.</p>
<p>4. Đọc một số bài nghiên cứu, phân tích tác phẩm, ghi chép những phát hiện độc đáo, thú vị, những lời bình hay về bài thơ và tác giả.</p>			<p>+ Ngôn ngữ giản dị, bình dân mà tinh tế, uyên bác.</p> <p>+ Sử dụng các điển cố, điển tích một cách khéo léo, diễn tả sâu sắc nỗi niềm, cảm xúc của bản thân.</p> <p>+</p> <p>- Những nét đặc sắc về nội dung:</p> <p>+ Nỗi đau xót của tác giả khi nghe tin bạn mất.</p> <p>+ Nỗi nhớ về những tháng ngày đã gắn bó, đồng hành cùng nhau.</p>
<p>5. Tìm đọc những tác phẩm viết về tình bạn khác hoặc những câu chuyện về tình bạn đẹp trong lịch sử.</p>			<p>+ Nỗi niềm, tâm sự của tác giả về tình bạn tri kỉ của mình.</p> <p>- Một số lời bình về tác phẩm:</p> <p>+</p> <p>- Một số tác phẩm viết về tình bạn:</p> <p>+ <i>Bạn đến chơi nhà</i> – Nguyễn Khuyến</p>
<p>Bước 2: thực hiện NV</p> <p>HS thực hiện nhiệm theo hướng dẫn của GV hoàn thành PHT số 1; GV quan sát việc ghi chép, hoàn thiện PHT của HS.</p> <p>- GV lựa chọn và chiếu PHT của 1 – 2 HS hoàn thiện tốt các nội dung và yêu cầu chia sẻ trước lớp; HS khác theo</p>			<p><i>Đã bấy lâu nay bác đến nhà Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa. Ao sâu nước cả khôn chài cá, Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà. Cải chửa ra cây, cà mới nụ, Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.</i></p>

<p>đổi, điều chỉnh, bổ sung thêm vào phần chuẩn bị của mình.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, khen ngợi kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS; lưu ý HS về tầm quan trọng của bước chuẩn bị trong quá trình viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ. <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bước chuẩn bị chính là khâu chuẩn bị “nguyên liệu” cho bài viết. + Nội dung chuẩn bị càng chi tiết, tỉ mỉ, kĩ lưỡng, phân loại, sắp xếp càng khoa học, logic chất lượng thì quá trình tiếp theo càng hiệu quả, thuận lợi và dễ dàng. <p>→ Bước chuẩn bị là đầu vào (input) và bài viết chính là đầu ra (output) của quá trình đọc – viết.</p> <p>* HĐ2: Tìm ý và lập dàn ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, dựa vào các nội dung đã tổng hợp được từ phần chuẩn bị, thực hành tìm ý và lập dàn ý vào PHT số 2. 	<p><i>Đầu trò tiếp khách trầu không có, Bác đến chơi đây ta với ta.</i></p> <p>+ <i>Nước lụt hỏi thăm bạn</i> – Nguyễn Khuyến</p> <p><i>Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu, Lụt lội năm nay bác ở đâu? Mấy ổ lợn con rày lớn, bé? Vài gian nếp cái nếp nông, sâu? Phân thua suy tính càng thêm thiệt, Tuổi cả chơi bời hoạ sống lâu. Em cũng chẳng no mà chẳng đói, Thung thẳng chiếc lá, rượu lưng bầu.</i></p> <p>+ <i>Quê hương và tình bạn</i> – Dương Lâm</p> <p><i>Nước non nghĩa nặng lời son sắt Bè bạn tình thâm ý đậm đà Rượu một bầu, thơ trắng một túi, Cùng vui xướng họa để ngâm nga.</i></p> <p>+ <i>Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng</i> – Lí Bạch</p> <p><i>Cổ nhân tây từ Hoàng Hạc lâu, Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu. Cô phàm viễn ảnh bích không tận, Duy kiến Trùng Giang thiên tế lưu.</i></p> <p>+ <i>Bồi giang phiếm chu tống Vi Ban quy kinh, đặc sơn tự</i> - Đỗ Phủ</p>
---	--

		<p><i>Truy tiền đồng chu nhật, Thương xuân nhất thủy gian. Phiêu linh vi khách cửu, Suy lão tiện quân hoàn. Hoa viễn trùng trùng thụ, Vân khinh xứ xứ san. Thiên nhai cố nhân thiếu, Cánh ích mấn mao ban.</i></p> <p>b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</p>		
<p>PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2</p> <p>Lập dàn ý phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” – Nguyễn Khuyến</p>				
Yêu cầu		Nội dung		
		Dẫn chứng	Phân tích	Liên hệ, mở rộng
Mở bài	- Dẫn dắt giới thiệu bài thơ (vận dụng cách mở bài trực tiếp, gián tiếp)			
	- Giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm			
	- Cảm nhận chung về đặc sắc của bài thơ.			
Thân bài	- Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ/sự kiện khơi nguồn cảm xúc cho tác giả viết bài thơ			
	- Nêu chủ đề của bài thơ			
	- Phân tích những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề bài thơ:			
	+ Phần 1 (2 dòng đầu)			

	+ Phần 2 (dòng 3 – 22)			
	+ Phần 3 (dòng 23 – hết)			
	- Đánh giá chung về đặc sắc nghệ thuật và nội dung chủ đề của bài thơ			
	- So sánh với các tác phẩm khác viết về cùng đề tài, chủ đề			
Kết bài	- Khẳng định lại giá trị của bài thơ. - Tác động của bài thơ với cá nhân.			
<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV. - GV gọi 1 – 2 HS chiếu và trình bày dàn ý; tổ chức cho cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung cho dàn ý của bạn. - GV nhận xét, tổng hợp ý kiến, đưa ra những định hướng và gợi ý hoàn thiện dàn ý của HS. 				
* Dự kiến sản phẩm:				
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2				
Lập dàn ý phân tích bài thơ “Khóc Dương Khuê” – Nguyễn Khuyến				
Yêu cầu		Nội dung		
		Dẫn chứng	Phân tích	Liên hệ, mở rộng
Mở bài	- Dẫn dắt	Đề tài tình bạn trong cuộc sống và trong văn chương.		
	- Giới thiệu tên tác giả, tên tác phẩm.	- Tên tác giả: Nguyễn Khuyến - Tên bài thơ: Khóc Dương Khuê		

	- Cảm nhận chung về của bài thơ.	<p>Bài thơ đã phát huy thế mạnh của thể thơ song thất lục bát, kết hợp hài hòa giữa yếu tố tự sự với trữ tình, biểu cảm đã diễn tả tình cảm sâu nặng, chân thành của tác giả với người bạn tri kỉ của mình.</p>	
Thân bài	- Hoàn cảnh/sự việc khơi nguồn	<p>- Nguyễn Khuyến và Dương Khuê vốn là những người bạn thân thiết, gắn bó với nhau từ thuở mới bước vào trường thi Hương. Họ đã cùng nhau dùi mài kinh sử, thưởng ngoạn vẻ đẹp của thiên nhiên cuộc sống, cùng nhau chia sẻ những buồn vui, thăng trầm trong suốt quãng đời làm sĩ tử và làm quan.</p> <p>- Sau khi Nguyễn Khuyến cáo quan lui về quê ở ẩn, còn Dương Khuê tiếp tục ở lại làm quan. Nỗi đau của sự chia li chưa kịp thâu hết thì Nguyễn Khuyến nhận được tin dữ, Dương Khuê qua đời. Ông đã viết bài thơ “Khóc Dương Khuê” để giải bày sự mong nhớ những tháng ngày cũ và tình cảm với người bạn tri kỉ của mình.</p>	
	- Nêu chủ đề của bài thơ	<p>Qua bài thơ, tác giả đã giải bày nỗi đau đớn, xót xa, mắt mờ vô cùng khi nghe tin bạn mất, đồng thời là nỗi niềm mong nhớ những tháng ngày gắn bó xưa cũ và tình cảm chân thành, sâu nặng với người bạn tri kỉ của mình.</p>	
	- Phân tích những đặc sắc về hình thức nghệ thuật để làm nổi bật chủ đề bài thơ:		
	+ Phần 1 (2 câu đầu): Phân tích cách sử dụng từ ngữ, từ láy, nhịp thơ trong hai câu thơ đầu để thấy được nỗi đau xót của tác giả khi nghe tin bạn mất	Câu 1,2	<p>- Xung hô, gọi tên: <i>Bác Dương - tôi</i></p> <p>- Từ “thôi”</p> <p>- Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh</p> <p>- Nhịp thơ ngắt đột ngột trong câu 1 2/1/3</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Nhịp thơ 4/4 với các từ láy <i>man mác, ngậm ngùi</i> và âm tiết mở - 	
<p>+ Phần 2 (20 câu tiếp): Phân tích biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê, sử dụng kết hợp ngôn bình dân với ngôn ngữ bác học để nhớ lại những kỉ niệm tình bạn suốt những năm tháng gắn bó cùng nhau</p>	<p>Câu 3 – câu 22</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giọng thơ tự sự, thủ thi, tâm tình nói với người bạn phương xa mà như ở gần, như tự nói với chính mình - Nỗi nhớ chia làm 3 giai đoạn: thuở hàn vi, đọc sách → khi đỗ đạt làm quan → cuộc gặp gỡ 3 năm trước - Biện pháp tu từ điệp ngữ: <i>cũng có lúc, có khi</i>, điệp cấu trúc,... - Biện pháp tu từ liệt kê: <i>chơi nơi dăm khách, từng gác cheo leo, thú vui con hát, rượu ngon cùng nhấp, chén quỳnh tương ẩm ắp bầu xuân, bàn soạn câu văn, buổi dương cầm cùng nhau hoạn nạn, ... trước ba năm gặp một lần, ...</i> - Câu cảm thán, phép lặp “thôi” trong câu: “<i>Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!</i>” - 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh với 2 bài thơ của Nguyễn Khuyến - So sánh với bài thơ của Dương Lâm 	
<p>+ Phần 3 (16 câu cuối): Phân tích giọng thơ, từ ngữ, hình ảnh, cách nói</p>	<p>Câu 23 – câu 38</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh: <i>về, lên tiên, chẳng ở</i> 		

	<p>phủ định, điển cố, điển tích,... để làm rõ tình cảm sâu nặng, chân thành của tác giả dành cho người bạn của mình</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh cụ thể hóa nỗi đau xót khi nghe tin bạn mất “<i>Chân tay rụng rời</i>” - Câu phủ định trong cặp câu lục bát “<i>Rượu ngon không có... không mua</i>” - Phép lặp trong câu thơ: “<i>Viết đưa ai, ai biết mà đưa</i>” - Điển cố, điển tích: Trần Phôn – Tử Trĩ, Bá Nha – Chung Tử Kỳ - Từ ngữ “<i>van</i>”, “<i>thương – lầy nhớ làm thương</i>” - Hình ảnh trong câu cảm thán cuối bài: + <i>Tuổi già – lệ như sương</i> + <i>Hơi đâu ép lầy hai hàng chứa chan.</i> → Nỗi buồn đau, thương nhớ thâm kín, sâu thẳm trong lòng. - 	
	<p>- Đánh giá chung những nét đặc sắc về giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ và con người tác giả.</p>		<p>- Bài thơ thất ngôn bát cú với giọng điệu buồn bã, nhớ thương, sử dụng ngôn từ giản dị, dân dã kết hợp với sự uyên bác, tinh tế trong các điển cố, điển tích</p> <p>- Diễn tả tình cảm sâu nặng, chân thành của tác giả với người bạn tri kỉ của mình. Đồng thời, ca ngợi tình bạn chân thành, sâu sắc của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê.</p>	

		- Tác giả là một người đặc biệt coi trọng tình bạn và thể hiện tình cảm chân thành, sâu sắc một cách tự nhiên, khéo léo, cảm động.
	So sánh với các bài thơ viết cùng đề tài (nếu có) để làm rõ sự độc đáo của bài thơ	- So sánh với bài thơ “Bạn đến chơi nhà”, “Nước lụt hỏi thăm bạn” để thấy được sự thống nhất trong tư tưởng về tình bạn và nét khác biệt trong giọng điệu, cảm xúc, của tác giả ở bài thơ. - So sánh với các bài thơ: <i>Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng</i> (Lý Bạch), <i>Bồi giang phiếm chu tống Vi Ban quy kinh, đắc sơn tự</i> (Đỗ Phủ) để thấy được điểm chung trong tình bạn và nét riêng độc đáo trong hình thức nghệ thuật và bản dịch chữ Nôm của bài thơ.
Kết bài	- Khái quát, khẳng định lại giá trị của bài thơ. - Tác động của bài thơ với cá nhân.	- Là bài thơ thất ngôn bát cú viết về tình bạn cảm động và sâu sắc nhất. - Nhận ra được tình bạn chân thành trong cuộc sống; hiểu và trân trọng giá trị của tình bạn... ...
<p>* HĐ3: Viết</p> <p>Bước 1: chuyển giao NV</p> <p>- GV hướng dẫn và yêu cầu HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <p>(1) GV hướng dẫn HS viết các đoạn MB, phân tích 1 luận điểm trong phần TB và KB dựa trên dàn ý chi tiết đã xây dựng (có minh họa).</p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>+ MB trực tiếp: Nguyễn Khuyến là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học trung đại Việt Nam. Ông được mệnh danh là “nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” với những bài thơ chứa chan tình cảm cao đẹp và đặc trưng ngôn ngữ vừa thuần khiết, giản dị lại vừa tinh</p>		<p>c. Bước 3: Viết</p> <p>* Trên lớp: Luyện viết đoạn</p> <p>- Viết đoạn mở bài, kết bài</p> <p>- Viết đoạn văn nêu và nhận xét chủ đề của bài thơ.</p> <p>- Viết đoạn văn phân tích một yếu tố hình thức và tác dụng của nó trong việc biểu đạt nội dung bài thơ.</p> <p>* Về nhà:</p> <p>- Hoàn thiện bài viết theo dàn ý.</p>

tế, uyên bác. Ông có hàng trăm bài thơ viết về tình bạn, trong đó nổi tiếng nhất phải kể đến bài thơ song thất lục bát “Khóc Dương Khuê” đã thể hiện sâu sắc tình bạn chân thành, sâu nặng, của tác giả với người bạn tri âm, tri kỉ của mình.

+ MB gián tiếp: Xưa nay trong nhân thế, tình bạn vốn là một thứ tình cảm gắn bó khăng khít, mang ý nghĩa vô cùng cao đẹp. Chính vì vậy, có rất nhiều nhà văn, nhà thơ đã lấy tình bạn làm đề tài sáng tác cho các tác phẩm của mình. Trong đó phải kể đến bài thơ song thất lục bát “Khóc Dương Khuê” của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Một bài thơ với giọng điệu buồn bã, nhớ thương, kết hợp hài hòa, tinh tế giữa sự giản dị, dân dã với uyên bác, tài hoa đã thể hiện sâu sắc tình bạn chân thành, sâu nặng, của tác giả với người bạn tri âm, tri kỉ của mình.

+ Đoạn phân tích: Mở đầu bài thơ là hai câu lục bát thể hiện nỗi đau đớn, xót xa, bàng hoàng của Nguyễn Khuyến trước tin ra đi đột ngột của người bạn tri âm tri kỉ: “Bác Dương thôi đã thôi rồi,

Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.”

Tác giả gọi bạn bằng hai từ “Bác Dương” – cách xưng hô rất đỗi thân mật, gần gũi, thể hiện rõ tình cảm trân trọng, quý mến. Cách gọi ấy cũng tựa như lúc họ vẫn còn ở bên nhau, còn được đồng hành cùng với nhau. Trong cụm từ “thôi đã thôi rồi”, từ “thôi” thứ nhất thể hiện nỗi tiếc nuối, xót xa khi bị mất đi một điều gì đó quan trọng trong đời, từ “thôi” thứ hai là cách nói giảm nói tránh ngụ ý về sự ra đi của Dương Khuê. Nỗi đau mất bạn ấy là nỗi đau “ngậm ngùi”, “man mác” âm ỉ cháy trong lòng, người ra đi khiến người ở lại phải day dứt, buồn thương vô cùng, nỗi đau ấy không chỉ lắng sâu trong tâm hồn tác giả mà như lan tỏa, nhuốm buồn ra khắp không gian. Nhịp thơ 2/1/3 kết hợp với cách nói giảm nói tránh ở dòng lục tạo sự đột ngột, hụt hẫng; nhịp điệu 4/4 kết hợp với các từ láy ở dòng bát tạo sự

dàn trải, mênh mông đã diễn tả cảm xúc ngỡ ngàng, đau xót kéo dài như vô cùng vô tận, lan tỏa ra khắp không gian rộng lớn, bao la của đất trời càng diễn tả sâu sắc hơn nỗi đau mất bạn của thi nhân.

+ **Kết bài:** Bài thơ được viết bằng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, chân thành kết hợp với sự tài hoa, uyên bác qua các điển cố, điển tích đã thể hiện trọn vẹn cảm xúc đau đớn, xót xa, bàng hoàng của nhà thơ trước sự ra đi đột ngột của bạn. Thể thơ song thất lục bát xen kẽ từng cặp câu thơ bảy chữ và cặp câu thơ lục bát đầy biến tấu, giàu vần điệu, ngắt nhịp đa dạng, kết hợp giữa tự sự với trữ tình, có khả năng chuyển tải những xúc chân thành, buồn thương, suy tư, trầm lắng rất phù hợp để nhà thơ bộc bạch lòng mình. Bài thơ giúp chúng ta thêm hiểu và trân trọng giá trị của tình bạn cũng như nhận ra được một tình bạn chân thành trong cuộc sống.

(2) Nhắc nhở HS một số điểm cần lưu ý khi thực hành viết bài:

+ Phân tích thơ cần bám vào các dấu hiệu hình thức: vần, nhịp, giọng điệu, từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ, nghệ thuật đặc sắc,... để chỉ ra tác dụng biểu hiện nội dung tư tưởng, tình cảm, cảm xúc trong bài thơ.

+ Chú trọng những phát hiện riêng của cá nhân về những nét độc đáo của bài thơ (hình thức, nội dung), cách sử dụng ngôn ngữ chọn lọc, diễn đạt trôi chảy,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS độc lập thực hiện lần lượt các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

- GV gọi 2 – 3 HS bất kì chiếu, trình bày đoạn văn và tổ chức chữa chung (chữa mẫu); sau đó yêu cầu HS chữa chéo bài tập theo nhóm bàn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

<p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá chung nhưng ưu điểm, hạn chế trong thực hành rèn kỹ năng phân tích tác dụng của các yếu tố hình thức thơ. Yêu cầu HS hoàn thiện bài viết ở nhà.</p>	
<p><i>* HĐ4: Kiểm tra và chỉnh sửa</i></p> <p>- GV tổ chức cho HS tự đánh giá bài viết (đã hoàn thiện ở nhà) theo các tiêu chí cụ thể trong bảng kiểm; chọn một số bài viết tốt hoặc những bài viết có lỗi thường gặp để tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá trước lớp.</p>	<p><i>d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa</i></p>

<p>BẢNG KIỂM</p> <p>Bài văn phân tích một tác phẩm thơ</p>					
<p>Tiêu chí</p>			<p>Đạt</p>	<p>Chưa đạt</p>	<p>Đánh giá/dự kiến chỉnh sửa</p>
<p>Nội dung</p>	<p>Mở bài</p>	<p>Dẫn dắt và giới thiệu tên bài thơ, tác giả</p>			
		<p>Khái quát chung về bài thơ</p>			
	<p>Thân bài</p>	<p>Nêu và nhận xét chủ đề bài thơ</p>			
		<p>Nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho luận đề đã nêu ở mở bài</p>			
		<p>Triển khai đầy đủ các ý theo dàn ý, sắp xếp phù hợp, không trùng lặp.</p>			

		Sử dụng lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, thuyết phục			
		Kết hợp có hiệu quả các phương thức biểu đạt và thao tác khác trong bài văn nghị luận (kết hợp phân tích với giải thích, chứng minh, so sánh, biểu cảm,...)			
		Nêu được những suy nghĩ, cảm xúc riêng về bài thơ			
	Kết bài	Đánh giá khái quát, tổng hợp vấn đề			
		Cảm nghĩ, ấn tượng của bản thân			
	Hình thức		Bố cục 3 phần, độ dài các phần cân đối		
Chính tả					
Ngữ pháp					
Trình bày					
Đánh giá chung	Quá trình thực hành	Bài viết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hình thức và nội dung ở mức độ nào? (Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt)			
		Em thấy thuận lợi hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong khi thực hành viết? Vì sao? Em có giải pháp nào để phát huy, cải thiện nó?			
		Thành công và hạn chế nhất của bài viết là gì?			

<ul style="list-style-type: none"> - HS độc lập thực hiện tự đánh giá bài viết theo hướng dẫn. - GV lựa chọn và gọi một số HS chiếu và trình bày bài viết, kết quả tự đánh giá của mình; HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn theo các tiêu chí trong bảng kiểm. - GV tổng kết, lưu ý HS những yêu cầu của bài văn phân tích tác phẩm thơ. 	
<p>* HĐ5: Chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm thực hành viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ theo quy trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, nhìn lại quá trình thực hành viết, chia sẻ những yêu cầu, kỹ năng, kinh nghiệm trong việc thực hiện quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ - HS hình thành nhóm, chia sẻ theo hướng dẫn của GV. - GV gọi một số HS chia sẻ những yêu cầu, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân và các thành viên trong nhóm. - GV tổng kết, chốt lại những lưu ý quan trọng khi thực hiện quy trình viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ. 	<p>2. Lưu ý khi thực hiện quy trình viết bài văn phân tích tác phẩm thơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị: chính là đọc hiểu bài thơ. - Tìm ý và lập dàn ý: tư duy xây dựng luận điểm, sắp xếp hệ thống lí lẽ, bằng chứng cho bài viết. - Viết: vận dụng các thao tác trong viết và rèn luyện cách diễn đạt khi phân tích thơ. - Kiểm tra: tự đánh giá, đánh giá chéo và đánh giá quá trình thực hành viết của bản thân và người khác.
<p>* HĐ 1: Tìm hiểu cách thức thực hiện kỹ năng so sánh trong phân tích thơ</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc nhóm cặp thực hiện các nhiệm vụ trên PHT số 2 (dãy lẻ thực hiện yêu cầu 1 và 3, dãy chẵn thực hiện yêu cầu 2 	<p>3. Rèn luyện kỹ năng so sánh trong phân tích thơ</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;"> <p>Tìm hiểu kỹ năng so sánh trong phân tích thơ</p> </div> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong phần (1), người viết đã so sánh “tiếng suối – tiếng hát xa” trong bài thơ “Cảnh khuya” với <i>tiếng gõ cửa ban đêm</i>

và 3) để tìm hiểu về kỹ năng so sánh trong phân tích thơ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tìm hiểu kỹ năng so sánh trong phân tích thơ

Đọc đoạn văn sau đây và thực hiện các yêu cầu:

(1) Trên nền im lặng bao la ấy nổi bật lên một âm thanh vắng vắng mơ hồ nhưng êm dịu như một tiếng hát xa - tiếng suối:

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa”

Câu thơ vang lên những 2 thứ tiếng: tiếng suối và tiếng hát. Tưởng chừng cái im lặng của cảnh khuya bị phá vỡ. Hóa ra lại không. Cũng như tiếng gõ cửa ban đêm trong thơ Giả Đảo, tiếng văng vẳng thu trong thơ Nguyễn Khuyến, tiếng suối trong đêm càng tăng thêm cái tĩnh mịch, sâu lắng của cảnh khuya.

Tiếng suối rất trong ấy vắng vắng mơ hồ như một tiếng hát từ xa vọng lại. Tiếng hát xa nghe đồng vọng, có quãng cách gợn lọc, không hay cũng hóa dịu êm. Đã nghe suối chảy thành lời hát, tiếng suối thành giọng người thì tiếng hát ấy tất nhiên là đẹp, là hay.

(2) Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so tiếng đàn với tiếng suối. Thế Lữ lại so tiếng hát trong với nước ngọc tuyền. Những tác giả này không miêu tả trực tiếp tiếng suối. Chỉ có Nguyễn Trãi ví tiếng suối là tiếng đàn cầm. Có lẽ đó là hình ảnh gần nhất với hình ảnh trong câu

trong thơ Giả Đảo, *tiếng văng vẳng thu* trong thơ Nguyễn Khuyến.

→ Cách so sánh này giúp người đọc hiểu rõ hơn bút pháp “lấy động tả tĩnh” của Bác trong câu thơ thứ nhất.

2. Trong phần (2), người viết đã so sánh biện pháp tu từ so sánh *tiếng suối* với *tiếng hát xa* trong bài thơ “Cảnh khuya”

+ Xưa Nguyễn Du, Bạch Cư Dị so *tiếng đàn* với *tiếng suối*: không miêu tả trực tiếp tiếng suối.

+ Nguyễn Trãi ví *tiếng suối* là *tiếng đàn cầm*, gần với hình ảnh so sánh của Bác.

→ Sự độc đáo trong lựa chọn đối tượng và cách so sánh của Bác làm nổi bật vẻ đẹp của tiếng suối trong đêm khuya nơi núi rừng Việt Bắc.

3. Qua đó có thể rút ra một số kinh nghiệm khi viết phần so sánh trong phân tích thơ:

- So sánh các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật trong bài thơ với các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật trong các bài thơ khác.

- Có thể so sánh tương đồng hoặc khác biệt để thấy được tài năng nghệ thuật hoặc khám phá, phát hiện mới mẻ, sâu sắc của tác giả trong bài thơ.

- Không so sánh hơn kém, so sánh là để làm nổi bật hơn, hoặc khẳng định nét độc đáo riêng của bài thơ hoặc phong cách tác giả.

<p><i>thơ này. Có thể chẳng phải là ngẫu nhiên: Nguyễn Trãi so sánh âm nhạc, Bác Hồ cũng không lạ chi lĩnh vực này. Và tiếng hát đó như một hồi âm vọng về, liên tưởng tới một giọng hát từng lưu lại trong ký ức hay là sản phẩm của trí tưởng tượng trong khoảnh khắc trời khuya. Dù sao đó vẫn là một hồi âm, một tưởng tượng mỹ lệ xứng đáng với một tâm hồn đẹp và một cảnh khuya tao nhã.</i></p> <p>(Trích <i>Vẻ đẹp của bài thơ Cảnh khuya</i>, SGK Ngữ văn 8, tập 2)</p>		<p>-</p>
<p>1. Trong phần (1), người viết đã so sánh “tiếng suối – tiếng hát xa” trong bài thơ <i>Cảnh khuya</i> với những âm thanh nào? Cách so sánh đó mang lại hiệu quả gì?</p>		<p>a. Cách thức:</p> <p>- So sánh trong phân tích thơ là chỉ ra sự giống nhau, khác nhau của hai hay nhiều tác phẩm, làm nổi bật sự độc đáo, sáng tạo của nhà thơ.</p> <p>- Về nguyên tắc, có thể so sánh điểm giống và khác nhau ở tất cả các cấp độ, từ nội dung (đề tài, chủ đề, cảm hứng, tư tưởng,...) đến hình thức của tác phẩm (nhân đề, bố cục, chi tiết, vần, nhịp, hình ảnh, các thủ pháp nghệ thuật ngôn ngữ,...).</p>
<p>2. Trong phần (2), người viết đã so sánh biện pháp tu từ so sánh <i>tiếng suối</i> với <i>tiếng hát xa</i> trong bài thơ <i>cảnh khuya</i> với những hình ảnh nào? Cách so sánh đó mang lại hiệu quả gì?</p>		
<p>3. Qua đó em rút ra kinh nghiệm gì khi viết phần so sánh trong phân tích thơ?</p>		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thành lập nhóm cặp thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

- GV gọi 2 nhóm HS đại diện các dãy lê và chẵn chiếu và trình bày kết quả PHT; các nhóm còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung cho nhóm bạn.

- GV nhận xét, chốt kiến thức và chú ý quan trọng khi thực hành kỹ năng so sánh trong bài văn phân tích một tác phẩm thơ.

*** HD2: Thực hành viết đoạn văn so sánh trong phân tích thơ**

- GV chiếu yêu cầu của đề bài, yêu cầu HS viết đoạn văn so sánh, nêu lên một điểm giống nhau và một điểm khác nhau giữa văn bản “Khóc Dương Khuê” với một văn bản khác cùng viết về đề tài tình bạn.

- HS thực hành viết đoạn văn vào vở ghi.

- GV gọi 2 - 3 HS chiếu và trình bày kết đoạn văn; HS còn lại nhận xét, góp ý, bổ sung cho phần viết của bạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**b. Bài tập:**

Viết đoạn văn so sánh, nêu lên một điểm giống nhau và một điểm khác nhau giữa văn bản “Khóc Dương Khuê” với một văn bản khác cùng viết về đề tài tình bạn.

- GV nhận xét, ghi nhận và rút kinh nghiệm cho HS trong quá trình thực hành kỹ năng so sánh trong bài văn phân tích một tác phẩm thơ.	
---	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng (sau khi được đánh giá bài viết trên lớp)

a. Mục tiêu: HS vận dụng viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ có sử dụng kỹ năng so sánh văn học trên một ngữ liệu mới.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, phân tích mẫu để hướng dẫn HS thực hành kỹ năng so sánh trong phân tích thơ.

c. Sản phẩm: Bài viết cá nhân của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao đề bài, yêu cầu HS hoàn thiện bài viết ở nhà:

Đề bài: Viết bài văn phân tích bài thơ “Hai chữ nước nhà” của nhà thơ Trần Tuấn Khải.

Hai Chữ Nước Nhà (Trần Tuấn Khải)

Chốn Ai Bắc mây sầu ảm đạm
 Cõi trời Nam gió thảm điều hiu
 Bốn bề hổ thét chim kêu
 Đoái nom phong cảnh như khêu bát bình
 Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
 Chút thân tàn lân bước dặm khơi
 Trông con tâm tã châu rơi
 Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên:
 Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định
 Máy ngàn năm suy thịnh đổi thay
 Trời Nam riêng một cõi này
 Anh hùng, hiệp nữ xưa nay kém gì! [...]
 Kiếp luôn cúi, đỉnh chung cũng nhục;
 Thân tự do chiên chúc mà vinh
 Con ơi nhớ đức sinh thành
 Sao cho khỏi để ô danh với đời
 Chớ lẩn lữa theo loài nô lệ
 Bán tổ tiên kiếm kế sinh nhai
 Đem thân đầy đoạ tôi đòi
 Nhục nhân bêu riếu muôn đời hay chi?
 Sống như thế, sống đê, sống mạt
 Sống làm chi thêm chật non sông!
 Thà rằng chết quách cho xong
 Cái thân cầu trệ ai mong có mình!
 Huống con cũng học hành khôn biết
 Làm giống người phải xét nông sâu
 Tuồng chi gục mặt cúi đầu
 Cam tâm làm kiếp ngựa trâu cho đàn!
 Nỗi tâm sự đình ninh đường ấy
 Cha khuyên con có bấy nhiêu lời
 Con ơi! con phải là người

Thì con theo lấy những lời cha khuyên [...]

(Phạm Thanh, *Thì nhân Việt Nam hiện đại*

(quyển thượng), NXB Xuân Thu, 1990)

(*) Trần Tuấn Khải (1895 – 1983), bút hiệu Á Nam, quê ở huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Ông thường mượn những đề tài lịch sử hoặc những biểu tượng nghệ thuật bóng gió để bộc lộ nỗi đau mất nước, nỗi căm giận bọn cướp nước và bè lũ tay sai, nhằm kích lệ tinh thần yêu nước của đồng bào và bày tỏ khát vọng độc lập, tự do của mình. Thơ Trần Tuấn Khải vào những năm 20 của thế kỉ XX được truyền tụng rộng rãi, nổi tiếng nhất là những bài hát theo các làn điệu dân ca và những bài thơ theo các thể loại cổ truyền của dân tộc như lục bát, song thất lục bát. Tác phẩm chính: các tập thơ *Duyên nợ phù sinh I, II* (1921 và 1923); *Bút quan hoài I, II* (1924 và 1927); *Với sơn hà I, II* (1936 và 1949),...

Hai chữ nước nhà là bài thơ mở đầu tập *Bút quan hoài I* (1924), lấy đề tài lịch sử thời quân Minh xâm lược nước ta: Nguyễn Phi Khanh (cha Nguyễn Trãi) bị giặc bắt đem sang Trung Quốc, Nguyễn Trãi đi theo, nhưng tới biên giới phía Bắc, Nguyễn Phi Khanh đã khuyên con nên quay trở về để lo tính việc trả thù nhà, đền nợ nước. Á Nam đã mượn lời người cha dặn dò con để gửi gắm tâm sự yêu nước của mình. Đoạn trích trên đây là phần mở đầu của bài thơ.

- HS hoàn thiện bài viết ở nhà theo yêu cầu của GV.

- GV yêu cầu HS nộp bài lên padlet/facebook lớp học.

- Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá và chấm điểm cho bài viết của bạn trên trang padlet/facebook lớp học.

*** GV hướng dẫn HS chuẩn bị tiết học sau:**

Phần Nói và nghe

- Đọc phần Định hướng và thực hiện trước phần Chuẩn bị của bài Nói và nghe (SGK/27) để tìm hiểu: *Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là thế nào? Để nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, cần lưu ý điều gì?*

- Lập dàn ý và chuẩn bị bài nói/nghe với đề bài: *Trình bày về sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ “Sông núi nước Nam” và văn bản “Nước Đại Việt ta” (trích “Đại cáo bình ngô” – Nguyễn Trãi).*

PHIẾU HỌC TẬP
Mở đầu
Nêu vấn đề, mục đích bài nói chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của hai văn bản
Nội dung

<i>So sánh</i>	<i>Nam quốc sơn hà</i>	<i>Bình Ngô đại cáo</i>
Giống nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: ... - Nghệ thuật: ... - Đề được coi là 	
Khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh ra đời: ... - Nội dung: ... - Quan điểm về dân tộc: - Thể loại: 	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh ra đời: ... - Nội dung: - Quan điểm về dân tộc: - Thể loại:
Kết thúc		
Khẳng định ý nghĩa và vị trí hai của văn bản với lịch sử dân tộc nói chung và văn học nói riêng.		

Ngày soạn: 30/8/2024	Day	Ngày	02/10/2024
		Tiết	5
		Lớp	9D

TUẦN 4 TIẾT 14: NÓI VÀ NGHE
NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN
 (Thời gian thực hiện: 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
- HS biết cách lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, để biết cách nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm, hợp tác để nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

b. Năng lực đặc thù

- Nắm được yêu cầu cần có khi nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục tiêu: Nhắc lại kiến thức nền, những kỹ năng đã có của HS về kiểu bài nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tổ chức trò chơi để kích hoạt kiến thức nền và kỹ năng nghe và nhận biết ý kiến của HS.

c. Sản phẩm: Kết quả tham gia trò chơi của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao NV

GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”:

+ HS lần lượt trả lời câu hỏi:

(1) Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là thế nào?

(2) Để nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, cần lưu ý điều gì?

Bước 2: Thực hiện NV

+ Học sinh trả lời câu hỏi trong vòng 1 phút. (bằng cách giơ tay)

+ Khi trả lời đúng câu hỏi, học sinh sẽ được quay vòng tròn may mắn để lựa chọn phần thưởng dành cho mình.

- HS chuẩn bị tham gia trò chơi.

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi và xử lí tình huống (nếu có).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện

- GV chốt những lưu ý, tuyên dương HS giành phần thưởng và kết nối vào bài học.

* Những điều cần lưu ý khi nghe

- Nghe kĩ nội dung ý kiến của người nói (ý kiến về vấn đề gì? Mục đích của người nói?).

- Ghi lại cách trình bày của người nói.

- Đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.

(Ví dụ: Qua việc tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn”, chúng ta đã cùng nhau nhắc lại một số kĩ năng cần chú ý khi nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau thực hành kĩ năng nghe, nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến).

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết các bước trong quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- Hiểu cách ghi chép bản tóm tắt khoa học, đầy đủ, chính xác để đánh giá chung về tính thuyết phục trong ý kiến của người nói.

b. Nội dung: GV sử dụng PPDH đàm thoại để định hướng quy trình nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình cho HS.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và Học sinh	Sản phẩm dự kiến
<p>I. Định hướng quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <p>- GV đặt câu hỏi: Quy trình nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý</p>	<p>* Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe</p> <p>- Tìm hiểu trước ý kiến người nói sẽ trình bày (vấn đề, lí lẽ, bằng chứng để làm nổi bật vấn đề); Cách trình bày theo hướng nào để thuyết phục nhất.</p> <p>- Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép những thông tin quan trọng trong khi nghe vấn đề do người nói trình bày.</p>

<p><i>kiến gồm những bước nào? Nêu nội dung cụ thể của từng bước.</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện NV</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm cặp, chuẩn bị câu trả lời. - GV gọi 2 đại diện nhóm HS lần lượt trả lời từng câu hỏi; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng hợp, chốt kiến thức và những điều cần lưu ý HS khi thực hành nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến 	<p>*Bước 2: Nghe và ghi chép</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi và ghi lại vấn đề (thường được giới thiệu ở phần mở đầu của bài thuyết trình). - Theo dõi cách triển khai vấn đề bằng những lí lẽ và bằng chứng. Những nội dung cần hỏi lại <p>Có thể ghi tóm tắt nội dung cách triển khai vấn đề bằng các kí hiệu như: dấu sao (*), dấu gạch ngang (-), dấu cộng (+) hoặc bút màu để đánh dấu các phần, lí lẽ, bằng chứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi lại để nhận xét hình thức trình bày qua điệu bộ, cử chỉ, tốc độ nhanh/ chậm, cao độ của giọng người nói và những nội dung được lặp đi lặp lại, nhấn mạnh để xác định vấn đề chính của bài thuyết trình. - Lưu ý những từ ngữ có tính chất chuyển ý, dẫn dắt như: thứ nhất là, thứ hai là, ngoài ra, bên cạnh đó, thêm nữa, tóm lại, ... <p>* Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và phản hồi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại và trao đổi nội dung nhận biết tính thuyết phục với các bạn khác và điều chỉnh (nếu cần). - Đối với những chỗ chưa rõ, nêu câu hỏi hoặc trao đổi thêm ý kiến cá nhân về nội dung và cách thuyết phục của bài trình bày.
--	--

3. Hoạt động 3: Thực hành, vận dụng

a. Mục tiêu: Thực hành nghe nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

b. Nội dung: GV sử dụng KTDH động não để HS thực hành quy trình 4 bước nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học và chuẩn kiến thức GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm dự kiến
<p>II. Thực hành</p> <p>* HD1: Kiểm tra việc chuẩn bị kết quả thực hiện nhiệm vụ đã giao trước tiết học cho HS (Thực</p>	<p>Bài tập: Nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến trình bày về sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ “Sông núi nước Nam” và văn bản “Nước Đại Việt ta” (trích “Đại cáo bình Ngô- Nguyễn Trãi).</p> <p>1. Bước 1: Chuẩn bị</p>

<p>hiện phần chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý).</p> <p>Bước 1: Chuyển giao NV</p> <p>- GV yêu cầu HS nhắc lại các nhiệm vụ đã giao.</p> <p>Bước 2: Thực hiện NV</p> <p>- HS hình thành nhóm 4, trao đổi các nội dung đã chuẩn bị.</p> <p>- GV yêu cầu HS hoàn thiện bố cục bài nói và chọn cử một HS trình bày bài nói trước lớp.</p> <p>- GV thống nhất chọn cử HS trình bày bài nói và đưa ra những lưu ý khi nói và nghe.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm trình bày kết quả.</p> <p>- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện</p>	<p>- Nhớ lại thông tin về hai bài thơ “<i>Sông núi nước Nam</i>” và văn bản “<i>Nước Đại Việt ta</i>” (trích “<i>Đại cáo bình Ngô- Nguyễn Trãi</i>”).</p> <p>- Tìm thấy giống nhau và khác nhau giữa hai bài thơ.</p> <p>- Chuẩn bị giấy, bút.</p> <p>2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>a. Người nói chuẩn bị nội dung trình bày theo hệ thống ý. Ví dụ:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Phần</th> <th style="text-align: center;">Nội dung chính</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">Mở đầu</td> <td>Dẫn dắt vấn đề và nêu rõ mục đích bài nói là chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của hai văn bản.</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Nội dung chính</td> <td> <p>- Điểm giống nhau:</p> <p>+ Nội dung: khẳng định chủ quyền của nước Đại Việt; đặt vị thế của nước ta ngang bằng với các triều đại PK phương Bắc; Cảnh báo quân xâm lược sang nước Đại Việt sẽ bị đại bại. Thể hiện lòng yêu nước, khát khao độc lập dân tộc.</p> <p>+ Nghệ thuật: giọng văn hào hùng, đanh thép, đậm chất lí lẽ đanh thép của những áng thiên cổ hùng văn.</p> <p>+ Đề được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc.</p> <p>- Điểm khác nhau:</p> </td> </tr> <tr> <td></td> <td> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">“Nam quốc sơn hà”</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">“Bình Ngô đại cáo”</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">(1) Bối cảnh ra đời: viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược.</td> <td style="width: 50%;">(1) Bối cảnh ra đời: viết sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống quân Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">(2) Nội dung:</td> <td style="width: 50%;">(2) Nội dung:</td> </tr> </table> </td> </tr> </tbody> </table>	Phần	Nội dung chính	Mở đầu	Dẫn dắt vấn đề và nêu rõ mục đích bài nói là chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của hai văn bản.	Nội dung chính	<p>- Điểm giống nhau:</p> <p>+ Nội dung: khẳng định chủ quyền của nước Đại Việt; đặt vị thế của nước ta ngang bằng với các triều đại PK phương Bắc; Cảnh báo quân xâm lược sang nước Đại Việt sẽ bị đại bại. Thể hiện lòng yêu nước, khát khao độc lập dân tộc.</p> <p>+ Nghệ thuật: giọng văn hào hùng, đanh thép, đậm chất lí lẽ đanh thép của những áng thiên cổ hùng văn.</p> <p>+ Đề được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc.</p> <p>- Điểm khác nhau:</p>		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">“Nam quốc sơn hà”</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">“Bình Ngô đại cáo”</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">(1) Bối cảnh ra đời: viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược.</td> <td style="width: 50%;">(1) Bối cảnh ra đời: viết sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống quân Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">(2) Nội dung:</td> <td style="width: 50%;">(2) Nội dung:</td> </tr> </table>	“Nam quốc sơn hà”	“Bình Ngô đại cáo”	(1) Bối cảnh ra đời: viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược.	(1) Bối cảnh ra đời: viết sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống quân Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.	(2) Nội dung:	(2) Nội dung:
Phần	Nội dung chính														
Mở đầu	Dẫn dắt vấn đề và nêu rõ mục đích bài nói là chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của hai văn bản.														
Nội dung chính	<p>- Điểm giống nhau:</p> <p>+ Nội dung: khẳng định chủ quyền của nước Đại Việt; đặt vị thế của nước ta ngang bằng với các triều đại PK phương Bắc; Cảnh báo quân xâm lược sang nước Đại Việt sẽ bị đại bại. Thể hiện lòng yêu nước, khát khao độc lập dân tộc.</p> <p>+ Nghệ thuật: giọng văn hào hùng, đanh thép, đậm chất lí lẽ đanh thép của những áng thiên cổ hùng văn.</p> <p>+ Đề được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc.</p> <p>- Điểm khác nhau:</p>														
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">“Nam quốc sơn hà”</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">“Bình Ngô đại cáo”</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">(1) Bối cảnh ra đời: viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược.</td> <td style="width: 50%;">(1) Bối cảnh ra đời: viết sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống quân Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.</td> </tr> <tr> <td style="width: 50%;">(2) Nội dung:</td> <td style="width: 50%;">(2) Nội dung:</td> </tr> </table>	“Nam quốc sơn hà”	“Bình Ngô đại cáo”	(1) Bối cảnh ra đời: viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược.	(1) Bối cảnh ra đời: viết sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống quân Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.	(2) Nội dung:	(2) Nội dung:								
“Nam quốc sơn hà”	“Bình Ngô đại cáo”														
(1) Bối cảnh ra đời: viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược.	(1) Bối cảnh ra đời: viết sau khi hoàn thành cuộc kháng chiến chống quân Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.														
(2) Nội dung:	(2) Nội dung:														

		<p>- Khẳng định chủ quyền độc lập dựa trên 2 yếu tố cơ bản là chủ quyền và lãnh thổ</p> <p>- Quan điểm về dân tộc: khẳng định nước Nam có chủ là có vua Nam ở; khẳng định sự độc lập, tự chủ của Đại Việt là do ý trời “Rành rành đã định tại sách trời”. ý thức dân tộc dựa trên cơ sở lãnh thổ và chủ quyền.</p> <p>(3) Viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt</p>	<p>- Khẳng định độc lập dựa trên 5 yếu tố là lãnh thổ, chủ quyền, nền văn hiến lâu đời, phong tục và truyền thống.</p> <p>- Quan điểm về dân tộc: Ngoài hai yếu tố lãnh thổ và chủ quyền còn dựa trên cơ sở là một quốc gia có nền văn hiến lâu đời, phong tục tập quán, truyền thống lịch sử. Sự độc lập tự do của Tổ quốc là do nhân dân lựa chọn và hy sinh để có được, hoàn toàn không phải được trời ban. Có sự kế thừa lại vừa có sự phát huy và hoàn thiện</p> <p>(3) Viết theo thể Cáo tụyết</p>
	Kết thúc	<p>Khẳng định ý nghĩa và vị trí hai của văn bản với nền văn học nói riêng và truyền thống yêu nước của dân tộc nói chung.</p>	
<p>b. Người nghe</p> <p>- Chú ý các điểm cần tập trung theo dàn ý trên để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến.</p> <p>- Chỉ ra được sự hạn chế (nếu có)</p> <p>3. Bước 3: Nói và nghe</p> <p>- Người nói: trình bày ý kiến đã chuẩn bị</p> <p>- Người nghe:</p> <p>+ Theo dõi và ghi lại các thông tin chính của bài bạn trình bày. Những nội dung cần hỏi lại.</p>			

<p>* HĐ2: Thực hành nói - nghe</p> <p>- GV tổ chức cho một HS trình bày bài nói và yêu cầu các HS khác còn lại thực hiện kỹ năng nghe.</p> <p>- HS nghe, ghi chép nội dung chính, nội dung cần hỏi lại.</p> <p>- GV tổ chức đánh giá kỹ năng nghe:</p> <p>+ GV gọi một HS bất kỳ trình bày nội dung nghe, đồng thời đưa ra nhận xét những ưu điểm, hạn chế của tính thuyết phục trong bài nói;</p> <p>+ HS khác đối chiếu với nội dung nghe của mình, đưa ra nhận xét, bổ sung;</p> <p>+ HS trình bày bài nói lắng nghe, phản hồi.</p> <p>- GV tổng hợp ý kiến, đưa ra đánh giá chung về bài nói; nhận xét cụ thể kỹ năng nghe của HS.</p> <p>* HĐ3: Kiểm tra, chỉnh sửa và phản hồi</p> <p>- GV yêu cầu HS kiểm tra, chỉnh sửa theo các nội dung SGK Tr.29.</p> <p>- HS đọc lập thực hiện nội dung theo yêu cầu của GV.</p>	<p>+ Nhận biết tính thuyết phục của ý kiến đã trình bày (ưu điểm và hạn chế).</p> <p>+ Khích lệ người nói.</p> <p>+ Hỏi người nói những điều chưa rõ. Trao đổi thêm về nội dung và cách thuyết phục của bài trình bày.</p> <p>4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa và phản hồi</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Đối tượng</th> <th>Tiêu chí kiểm tra</th> <th>chỉnh sửa và phản hồi</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2">Người nói</td> <td>1. Rút kinh nghiệm gì về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2. Tự đánh giá - Phần em hài lòng: nội dung, hình thức, thái độ. - Sức thuyết phục của bài nói. - Em muốn thay đổi điều gì.</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Người nghe</td> <td>1. Ghi chép đã chính xác chưa và được những gì.</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Đối tượng	Tiêu chí kiểm tra	chỉnh sửa và phản hồi	Người nói	1. Rút kinh nghiệm gì về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày.		2. Tự đánh giá - Phần em hài lòng: nội dung, hình thức, thái độ. - Sức thuyết phục của bài nói. - Em muốn thay đổi điều gì.		Người nghe	1. Ghi chép đã chính xác chưa và được những gì.	
Đối tượng	Tiêu chí kiểm tra	chỉnh sửa và phản hồi										
Người nói	1. Rút kinh nghiệm gì về việc lựa chọn vấn đề trình bày, quá trình chuẩn bị, nội dung, cách thức và thái độ trình bày.											
	2. Tự đánh giá - Phần em hài lòng: nội dung, hình thức, thái độ. - Sức thuyết phục của bài nói. - Em muốn thay đổi điều gì.											
Người nghe	1. Ghi chép đã chính xác chưa và được những gì.											

- GV gọi 2 HS nói và nghe chia sẻ; HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu có) - GV nhận xét, thống nhất kỹ năng nghe và nhấn mạnh tầm quan trọng kỹ năng nghe.	2. Nhận xét về nội dung, hình thức, tính thuyết phục của bài trình bày của bạn.	
	3. Điều em rút ra được từ bài trình bày của bạn.	

F. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

Văn bản tự đánh giá trong Bài 1 là trích đoạn một bài thơ hiện đại được viết bằng chữ quốc ngữ nhưng theo thể thơ song thất lục bát - Bài *Cảnh vui của nhà nghèo* của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Mười câu hỏi trắc nghiệm và tự luận xoay quanh các vấn đề thể loại, nội dung, nghệ thuật của văn bản, một lần nữa giúp HS rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng viết để tự học.

Cách thức tổ chức phần này có thể linh hoạt, tùy theo kế hoạch cụ thể của GV, nhưng cần bố trí, sắp xếp thời gian trong chương trình dạy học để kiểm tra, chữa bài, hỗ trợ HS khi thực hiện phần *Tự đánh giá*. Có hai cách:

- Cách 1: Tổ chức kiểm tra trên lớp và chữa bài cho HS.
- Cách 2: Hướng dẫn HS tự làm bài vào vở ở nhà và GV chữa bài trên lớp.

Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

1. Phần trắc nghiệm:

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	D	C	C	C	C

2. Phần tự luận:

Câu 6. Bài thơ viết về cuộc sống vất vả nhưng cũng rất nhiều niềm vui trong những gia đình nghèo khó, qua đó thể hiện tình cảm thương yêu, cảm thông xen lẫn tự hào của tác giả. Vì vậy, *Cảnh vui của nhà nghèo* là một nhan đề gợi được nội dung tinh thần của cả bài thơ.

Câu 7. HS tự tìm các từ láy trong đoạn thơ quy định.

Các từ láy có vai trò quan trọng trong việc thể hiện cuộc sống vất vả khó khăn xen lẫn niềm vui, hạnh phúc xum vầy được bài thơ phản ánh.

Câu 8. Về vần và nhịp của đoạn trích.

GV hướng dẫn HS xem lại mục *Kiến thức Ngữ văn* của Bài 1 để làm bài tập này, từ đó tìm hiểu văn và nhịp của đoạn trích.

Câu 9. Cái vui của cảnh nhà nghèo được nhà thơ thể hiện qua những cảnh tượng như: niềm vui khi các con đi học trở về xum vầy trong nhà, cuộc sống gia đình tuy vất vả nhưng ấm áp tình người, các con khôn lớn dần, cuộc sống tuy nghèo khó nhưng thanh thoi, vui vẻ.

Có được niềm vui đó là do: cha mẹ, con cái, vợ chồng luôn yêu thương nhau, cùng chăm lo cho nhau. Con cái thương kính cha mẹ, chăm chỉ, sống có ý chí, biết phát huy tài năng để đem lại niềm vui đầm ấm cho gia đình.

Câu 10. Bài thơ có nhiều câu hay, HS tự tìm kiếm câu thơ mà các em yêu thích. Tuy nhiên phải giải thích được vì sao lại lựa chọn câu thơ đó và phân tích nội dung thể hiện của câu thơ.

*** Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:**

Bài 2. Văn bản 1. Cảnh ngày xuân

(1) Tìm hiểu phần Kiến thức ngữ văn về đặc điểm của Truyện thơ Nôm, về đối thoại và độc thoại, về các căn cứ xác định chủ đề, về điển cố điển tích để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(2) Đọc kĩ các lưu ý để định hướng các đọc hiểu đoạn trích của một truyện thơ Nôm.

(3) Đọc trước đoạn trích Cảnh ngày xuân để tìm hiểu giọng đọc, nhịp điệu dòng thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm; đồng thời lưu ý các lệnh/câu hỏi phần chỉ dẫn đọc ở bên phải văn bản.

(4) Tìm hiểu thêm thông tin về đại thi hào Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều.

(5) Đọc nội dung giới thiệu về toàn bộ tác phẩm Truyện Kiều trong phần 1. Chuẩn bị (SGK/Tr35) để hiểu thêm tác phẩm và các đoạn trích Truyện Kiều trong Bài 2.